

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày: 27- 3- 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Vũ Biên Cương.
2. Ông Lâm Văn Koan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 tại tỉnh Đ, nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1954; bị cáo có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ: Từ ngày 03- 12- 2018 đến ngày 12- 12- 2018.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú: Kể từ ngày 12- 12- 2018.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Trần Thị T, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

2. Phạm Thị B, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

3. Diệp Thị Diệu H, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Mua, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

2. Huỳnh Mỹ Dung, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 10 năm 2018 (không nhớ ngày cụ thể), Nguyễn Thị T đến nhà bà Trần Thị T ở ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đ để thăm bà T. Lúc này, bà T kể cho T nghe chuyện chị Huỳnh Mỹ D (em chồng của bà T) ly hôn không có nhà để ở, nghe bà T nói vậy thì T nói dối là có quen với một người nước ngoài sẽ hỗ trợ tiền cho người nghèo xây nhà tình thương hoặc cho tiền mặt là 125.000.000 đồng, lúc này bà T kêu bà Phạm Thị B và chị D đến nhà bà T gặp T, sau đó T nói dối với bà Phạm Thị B và chị D muốn hỗ trợ xây nhà tình thương hoặc cho tiền mặt là 125.000.000 đồng thì đưa sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và số tiền 2.500.000 đồng để làm thủ tục và chi phí xin nhà. Bà T và bà B tin là thật nên mỗi người đưa T 2.500.000 đồng (tổng cộng là 5.000.000 đồng) để bà T xin nhà cho D, còn bà B xin nhà cho con ruột của mình. Khi nhận tiền xong, T hứa là sẽ có nhà trước tết nguyên đán năm 2019 nhưng sau đó không ai nhận được nhà như lời T đã hứa.

Lần thứ hai: Vào ngày 26- 11- 2018, T đến tiệm làm tóc gần chợ xã T, huyện T thì gặp chị Diệp Thị Diệu H, chị H kể cho T nghe có người anh theo vợ bé, nên T nói dối là có quen sư thầy để T nhờ sư thầy cúng cho người anh của chị

H không theo vợ bé nữa, số tiền mua đồ cúng là 400.000 đồng. Sau khi tiếp tục nói chuyện qua lại với nhau thì T biết gia đình của chị H đang gặp khó khăn về nhà ở nên T nói dối với chị H là T có quen biết người nước ngoài hỗ trợ cho người nghèo xây nhà tình thương trị giá 125.000.000 đồng và hứa xin nhà cho chị H trong vòng hai tuần, khi nào có nhà sẽ thông báo cho chị H biết.

Đến ngày 28- 11- 2018, T đến nhà chị Nguyễn Thị M thì gặp chị H, T nhắc lại chuyện có người nước ngoài hỗ trợ cho xây nhà tình thương nhưng phải đưa T chi phí làm hồ sơ xin nhà, chị H đồng ý đưa cho T 3.000.000 đồng chi phí làm hồ sơ xin nhà và đưa thêm 400.000 đồng để T mua đồ nhờ sư thầy cúng cho anh của chị H không theo vợ bé. Tổng cộng là 3.400.000 đồng.

Lần thứ ba: Đến ngày 02- 12- 2018, T dùng số điện thoại 0842773949 gọi vào số máy 0355722551 cho chị H nói dối là đã xin được nhà cho chị H và tiếp tục xin thêm cho cháu chị H 01 căn nhà nữa. Sau đó, chị H hỏi T xin nhà cho cháu chị H bằng với số tiền làm hồ sơ xin nhà trước đó phải không? T trả lời: “Phải, nhưng hồ sơ trước của chị H có chút trục trặc”, nên chị H nói sẽ đưa cho T thêm tiền trà nước thì T đồng ý và hẹn đến ngày 03- 12- 2018 chị H sẽ đưa 5.000.000 đồng tại nhà bà Nguyễn Thị M. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03- 12- 2018 chị H đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng thì bị lực lượng Công an huyện Tân Hồng bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án thu giữ được:

- Tiền Việt Nam 5.000.000 đồng.
- 01 tờ giấy trắng có ghi chữ “5 triệu đồng 0395938579 ĐT Ba”.
- 01 xe mô tô biển kiểm soát 66K1- 106.99, hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ- đen, số máy 1FC1- 45732, số khung RLCS1FC10DY045721 đã qua sử dụng.
- 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, số IMEI 365057091258328, bên trong có gắn sim số 0842773949 và một sim không sử dụng được, không xác định được số điện thoại, đã qua sử dụng.

Trong quá trình điều tra, bị hại Trần Thị T được nhận lại 2.500.000 đồng, Phạm Thị B được nhận lại 2.500.000 đồng và Diệp Thị Diệu H được nhận lại 3.400.000 đồng, đây là tiền bồi thường thiệt hại do Nguyễn Thị T và gia đình tự nguyện hoàn trả.

Tại Cáo trạng số 02/CT- VKSTH ngày 28- 02- 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật.

Khi luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là: Bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo theo quy định tại các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì bị cáo có chú ruột tên Nguyễn Văn Q là liệt sĩ. Về tình tiết tăng nặng: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị giải quyết. Về xử lý vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị hại Diệp Thị Diệu H 5.000.000 đồng là số tiền của chị H mà Công an huyện Tân Hồng đã thu giữ khi bắt quả tang ngày 03- 12- 2018; đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 66K1- 106.99, hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen do đây không phải là phương tiện dùng vào việc phạm tội; đề nghị tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu ITEL, màu đen, số IMEI 365057091258328, số sim 0842773949 và 01 sim không sử dụng được vì đây là công cụ dùng vào việc phạm tội; đề nghị tuyên tiêu hủy 01 tờ giấy trắng có ghi chữ “5 triệu đồng 0395938579 ĐT Ba” do không có giá trị sử dụng.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về hòa nhập với cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Hồng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, lời khai thừa nhận thực hiện hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo T thừa nhận vì không có tiền để khám, điều trị bệnh cho mình và đóng tiền học cho con nên T đã dùng thủ đoạn nói dối với các bị hại là có quen với người nước ngoài sẽ hỗ trợ cho người nghèo xây nhà tình thương hoặc cho tiền mặt là 125.000.000 đồng, nhưng muốn có nhà hoặc có tiền thì trước tiên các bị hại phải đưa tiền cho T và các giấy tờ như sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ nghèo... để T làm thủ tục. Bằng thủ đoạn trên, lần đầu vào tháng 10 năm 2018, T đã chiếm đoạt của bà Trần Thị T 2.500.000 đồng, chiếm đoạt của bà Phạm Thị B 2.500.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 28- 11- 2018, T chiếm đoạt của chị Diệp Thị Diệu H 3.400.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng là chi phí làm hồ sơ xin nhà tình thương dùm chị H và 400.000 đồng T nhận vì hứa sẽ nhờ sư thầy cúng để cho anh của chị H không theo vợ bé nữa (đây cũng là hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản); lần thứ ba vào ngày 03- 12- 2018, T đang nhận 5.000.000 đồng của chị H thì bị Công an huyện Tân Hồng bắt quả tang.

[3] Như vậy, để có tiền phục vụ cho mục đích cá nhân, bị cáo Nguyễn Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối để tiếp xúc với các bị hại, dùng thông tin giả là có người sẽ sẵn sàng xây nhà tình thương hoặc cho tiền các bị hại hoặc nhờ người cúng giải hạn, qua đó các bị hại tin tưởng vào lời nói của T, tin tưởng rằng thông qua T thì các bị hại sẽ có nhà hoặc có tiền hoặc được sư thầy giải hạn, sẵn sàng đưa tiền trước cho T để làm chi phí, nhưng T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền mà các bị hại đưa cho. Hành vi gian dối của T xảy ra trước khi các bị hại giao tiền cho T, là điều kiện làm cho các bị hại tin tưởng mà giao tiền cho T và là thủ đoạn mà T sử dụng để nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại, từ đó xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại, hành vi này là cố ý và có lỗi, vi phạm pháp luật hình sự. Tổng số tiền mà T chiếm đoạt của các bị hại là 13.400.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã cấu thành “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thị T đã 03 lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại Trần Thị T 2.500.000 đồng, Phạm Thị B 2.500.000 đồng và Diệp Thị Diệu H 3.400.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có chú ruột là ông Nguyễn Văn Q là liệt sỹ nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong trường hợp này bị cáo không phải phạm tội lần đầu mà là 03 lần thực hiện hành vi phạm tội vì mỗi lần đều đủ cấu thành tội phạm, trong đó các lần phạm tội với bà Trần Thị T, bà Phạm Thị B chưa bị kết án, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nay bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong cùng lần phạm tội với Diệp Thị Diệu H nên không xem là bị cáo “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Hơn nữa, nếu áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” đồng thời lại áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” trong vụ án này là mâu thuẫn với nhau.

[6] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự, hậu quả của tội phạm có xảy ra nhưng đã được khắc phục nên căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Số tiền 5.000.000 đồng mà Công an thu giữ khi bắt quả tang bị cáo đang nhận của bị hại Diệp Thị Diệu H vào ngày 03- 12- 2018 là tài sản của chị H, nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho chị H. Đối với một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 66K1- 106.99, hiệu yamaha sirius màu đỏ- đen không phải là công cụ phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo. Đối với một điện thoại di động hiệu ITEL, màu đen, số IMEI 365057091258328, số sim 0842773949 và 01 sim không sử dụng được là công cụ dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với một tờ giấy trắng có ghi chữ “5 triệu đồng

0395938579 ĐT Ba” không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9] Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức án đối với bị cáo và các biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ bị cáo từ ngày 03- 12- 2018 đến ngày 12- 12- 2018.

2. Về vật chứng:

Căn cứ các điểm a, c khoản 2 và các điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị hại Diệp Thị Diệu H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà Công an huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp thu giữ theo Biên bản bắt quả tang và Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ vào ngày 03- 12- 2018.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 66K1- 106.99, hiệu Yamaha Sirius màu đỏ- đen, số máy: 1FC1-45732, số khung: RLCS1FC10DY045721, xe đã qua sử dụng (xe cũ).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL, màu đen, số IMEI 365057091258328 (điện thoại di động đã qua sử dụng), sim số 0842773949 và 01 (một) sim không sử dụng được (không xác định số điện thoại).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) tờ giấy trắng có ghi chữ “5 triệu đồng 0395938579 ĐT Ba”.

(Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng ngày 28- 02- 2019).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27- 3- 2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Cơ quan CSĐT CA Tân Hồng, ĐT;
- Cơ quan THAHS CA Tân Hồng, ĐT;
- CC THADS huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- UBND xã An Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Tuấn Anh